

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30/11/2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Đức Cường.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Bùi Như Huân.

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Diệu Linh, là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Phương Tô L, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà A phố N, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng.

2. **Bị đơn:** anh Trần Ngọc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị L và anh H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phương Tô L trình bày:

Chị L và anh Trần Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 và không còn

quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Giữa chị L và anh H có một con tên là Trần Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2021. Hiện tại, con đang ở cùng với mẹ, sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc H. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày là giữa chị và anh H không có. Các vấn đề khác chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Đối với bị đơn anh Trần Ngọc H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

*\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 và không còn quan tâm đến nhau nữa, như vậy mục đích của hôn nhân không đạt được. Về con chung tên là Trần Ngọc H, chưa đủ 03 tuổi, hiện tại đang sinh sống ổn định cùng với mẹ. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, điều kiện của chị L đang làm kế toán cho Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu T tại huyện A, thành phố Hải Phòng, có thu nhập ổn định từ 08 triệu đến 10 triệu đồng/tháng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L ly hôn anh H. Giao con chung Trần Ngọc H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 để tuyên án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Như vậy, anh H đã từ bỏ các quyền của mình khi Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con và tài sản chung theo đơn khởi kiện của chị L.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị L và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng giữa hai người không hạnh phúc, đã ly thân, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, chị L và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị L ly hôn anh H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị L trình bày giữa chị và anh H có một con tên là Trần Ngọc H, chưa đủ 03 tuổi, hiện tại đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng và đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, con chung sẽ được giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị L trình bày là không có. Anh H vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

*Vĩ các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phương Tố L ly hôn anh Trần Ngọc H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phương Tố L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trưởng thành.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phương Tố L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số 0004136 ngày 02 tháng 10 năm 2023, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phương Tố L và anh Trần Ngọc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Trần Đức Cường**